

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



GIÁO TRÌNH
QUẢN LÝ DƯỢC II

(Giáo trình dùng đào tạo các lớp trung cấp Dược)

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

CÀ MAU, NĂM 2019

Bài 1.**QUẢN TRỊ DƯỢC****MỤC TIÊU**

1. Nêu được khái niệm quản trị và sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức.
2. Trình bày được bốn chức năng cơ bản của quản trị.
3. Phân tích được các vai trò của nhà quản trị.
4. Xác định được các cấp quản trị trong một tổ chức và nhiệm vụ chủ yếu của mỗi cấp quản trị.

NỘI DUNG**I. QUẢN TRỊ VÀ TỔ CHỨC****1.1. Định nghĩa quản trị**

Thuật ngữ quản trị được giải thích bằng nhiều cách khác nhau và có thể nói là chưa có một định nghĩa nào được tất cả mọi người chấp nhận hoàn toàn. Mary Parker Follett cho rằng “**quản trị là nghệ thuật đạt được mục đích thông qua người khác**”.

Định nghĩa này nói lên rằng những nhà quản trị đạt được các mục tiêu của tổ chức bằng cách sắp xếp, giao việc cho những người khác thực hiện chứ không phải hoàn thành công việc bằng chính mình.

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ

(1) Hoạch định: Nghĩa là nhà quản trị cần phải xác định trước những mục tiêu và quyết định những cách tốt nhất để đạt được mục tiêu;

(2) Tổ chức: Đây là công việc liên quan đến sự phân bổ và sắp xếp nguồn lực con người và những nguồn lực khác của tổ chức. Mức độ hiệu quả của tổ chức phụ thuộc vào sự phối hợp các nguồn lực để đạt được mục tiêu;

(3) Lãnh đạo: Thuật ngữ này mô tả sự tác động của nhà quản trị đối với các thuộc cấp cũng như sự giao việc cho những người khác làm. Bằng việc thiết lập môi trường làm việc tốt, nhà quản trị có thể giúp các thuộc cấp làm việc hiệu quả hơn;

(4) Kiểm soát: Nghĩa là nhà quản trị cố gắng để đảm bảo rằng tổ chức đang đi đúng mục tiêu đã đề ra. Nếu những hoạt động trong thực tiễn đang có sự lệch lạc thì những nhà quản trị sẽ đưa ra những điều chỉnh cần thiết. những nguồn lực của tổ chức bao gồm nguồn lực **tài chính, vật chất và thông tin cũng như nguồn nhân lực** để đạt được mục tiêu.

Trong những nguồn lực trên, nguồn lực con người là quan trọng nhất và cũng khó khăn nhất để quản lý. Yếu tố con người có thể nói là có ảnh hưởng quyết định đối với việc đạt được mục tiêu của tổ chức hay không.

1.2. Tổ chức

Chúng ta trả lời đối với câu hỏi quản trị cái gì (?) và quản trị ai (?). Con người và những nguồn lực khác trong tổ chức chính là đối tượng của quản trị

Tổ chức là sự sắp xếp người một cách có hệ thống nhằm thực hiện một mục đích nào đó. Trường học, bệnh viện, nhà thờ, các doanh nghiệp/công ty, các cơ quan nhà nước hoặc một

đội bóng đá của một câu lạc bộ... là những ví dụ về một tổ chức.

Với khái niệm được trình bày như trên, chúng ta có thể thấy được là một tổ chức có ba đặc tính chung: Một là, mỗi một tổ chức đều được hình thành và tồn tại vì một mục đích nào đó; Và chính sự khác biệt về mục đích của mỗi tổ chức dẫn đến sự khác biệt giữa tổ chức này và tổ chức khác. Ví dụ như trường học nhằm mục đích cung cấp kiến thức cho người học. Bệnh viện nhằm mục đích khám chữa bệnh cho cộng đồng.

Cấu trúc trong một tổ chức định rõ giới hạn hành vi của từng thành viên thông qua những luật lệ được áp đặt, những vị trí lãnh đạo và quyền hành nhất định của những người này cũng như xác định công việc của các thành viên khác trong tổ chức. ***Tóm lại, một tổ chức là có nhiều người và được xây dựng theo một cấu trúc có hệ thống.***

II. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUẢN TRỊ

Nhìn ngược dòng thời gian, chúng ta có thể thấy ngay từ xa xưa đã có những nỗ lực có tổ chức dưới sự trông coi của những người chịu trách nhiệm hoạch định, tổ chức điều khiển và kiểm soát để chúng ta có được những công trình vĩ đại lưu lại đến ngày nay như Vạn Lý Trường Thành ở Trung Quốc hoặc Kim Tự Tháp ở Ai Cập...

Từ thập niên 1960 đến nay, vai trò quản trị ngày càng có xu hướng xã hội hóa, chú trọng đến chất lượng, không chỉ là chất lượng sản phẩm, mà là chất lượng của cuộc sống mọi người trong thời đại ngày nay.

Những kết luận về nguyên nhân dẫn đến sự phá sản của các doanh nghiệp có thể minh chứng cho vai trò có tính chất quyết định của quản trị đối với sự tồn tại và phát triển của tổ chức.

Khi nói đến nguyên nhân sự phá sản của các doanh nghiệp thì có thể có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân hàng đầu thường vẫn là quản trị kém hiệu quả, hay nhà quản trị thiếu khả năng. Trong cùng hoàn cảnh như nhau, nhưng người nào biết tổ chức các hoạt động quản trị tốt hơn, khoa học hơn, thì triển vọng đạt kết quả sẽ chắc chắn hơn.

III. CÁC CHỨC NĂNG CỦA QUẢN TRỊ

Các chức năng quản trị để chỉ những nhiệm vụ lớn nhất và bao trùm nhất trong các hoạt động về quản trị. Có nhiều tranh luận đã diễn ra khi bàn về các chức năng quản trị. Trong thập niên 30, Gulick và Urwich nêu ra bảy chức năng quản trị: Hoạch định; Tổ chức; Nhân sự; Chỉ huy; Phối hợp; Kiểm tra; và Tài chính.

Trong giáo trình này, chúng ta có thể chấp nhận là quản trị bao gồm **4 chức năng** được nêu ra trong định nghĩa về quản trị với lý do đây là định nghĩa được nhiều tác giả viết về quản trị đồng thuận và sử dụng rộng rãi khái niệm này trong nhiều sách quản trị.

1. Hoạch định

Là chức năng đầu tiên trong tiến trình hoạt động, xây dựng chiến lược tổng thể đề ra kế hoạch để phối hợp các hoạt động.

Hoạch định liên quan đến dự báo và tiên liệu tương lai, những mục tiêu cần đạt được và những phương thức để đạt được mục tiêu đó. Nếu không lập kế hoạch thận trọng và đúng đắn thì dễ dẫn đến thất bại trong quản trị. Có nhiều công ty không hoạt động được hay chỉ hoạt động với một phần công suất do không có hoạch định hoặc

hoạch định kém.

2. Tổ chức

Đây là chức năng thiết kế cơ cấu, tổ chức công việc và tổ chức nhân sự cho một tổ chức. Công việc này bao gồm: xác định những việc phải làm, người nào phải làm, phối hợp hoạt động ra sao.

3. Lãnh đạo

Một tổ chức bao giờ cũng gồm nhiều người, mỗi một cá nhân có cá tính riêng, hoàn cảnh riêng và vị trí khác nhau. Nhiệm vụ của lãnh đạo là phải biết động cơ và hành vi của những người dưới quyền, biết cách động viên, điều khiển, lãnh đạo những người khác, chọn lọc những phong cách lãnh đạo phù hợp với những đối tượng và hoàn cảnh cùng sở trường của người lãnh đạo, nhằm giải quyết các xung đột giữa các thành phần

4. Kiểm tra

Sau khi đã đề ra những mục tiêu, xác định những kế hoạch, vạch rõ việc xếp đặt cơ cấu, tuyển dụng, huấn luyện và động viên nhân sự, công việc còn lại vẫn còn có thể thất bại nếu không kiểm tra. Công tác kiểm tra bao gồm việc xác định thành quả, so sánh thành quả thực tế với thành quả đã được xác định và tiến hành các biện pháp sửa chữa nếu có sai lệch, nhằm bảo đảm tổ chức đang trên đường đi đúng hướng để hoàn thành mục tiêu.

IV. NHÀ QUẢN TRỊ

Nhà quản trị, thông qua các hoạt động của họ sẽ ảnh hưởng đến sự thành công hay thất bại của tổ chức. Nhà quản trị làm thay đổi kết quả của tổ chức bằng những quyết định mà anh ta đưa ra. Đối với huấn luyện viên một đội bóng thì đó là quyết định tuyển mộ những ai, những cầu thủ nào có mặt trong đội hình xuất phát, những ai được chỉ định là phụ tá huấn luyện viên, những lối chơi nào được huấn luyện, sự thay đổi đầu pháp,... làm cho một doanh nghiệp thành công hay thất bại thông qua những quyết định đúng sai của họ. Một câu nói rất đúng về vai trò có tính quyết định của nhà quản trị đối với thành bại của một tổ chức là ‘một nhà quản trị giỏi, trái lại một nhà quản trị tồi sẽ biến vàng thành rom!’

Mặc dù những kết quả của tổ chức chịu ảnh hưởng rất nhiều vào những quyết định và hành động quản trị, nhưng chúng còn chịu ảnh hưởng của những yếu tố ngoài tầm kiểm soát của sự quản lý. Đó là những yếu tố áp đặt từ phía bên ngoài cũng như bên trong tổ chức mà các nhà quản trị không thể kiểm soát được.

Quản trị viên cao cấp (Top Managers)

Đó là các nhà quản trị hoạt động ở cấp bậc cao nhất trong một tổ chức. Họ chịu trách nhiệm về những thành quả cuối cùng của tổ chức. Nhiệm vụ của các nhà quản trị cấp cao là đưa ra các quyết định chiến lược. Tổ chức thực hiện chiến lược, duy trì và phát triển tổ chức. Các chức danh chính của quản trị viên cao cấp trong sản xuất kinh doanh ví dụ như là: chủ tịch hội đồng quản trị, phó chủ tịch, các ủy viên hội đồng quản trị, các tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc v.v

^aXây dựng chiến lược, kế hoạch hành động & phát triển của tổ chức

Quản trị viên cấp trung: Trưởng phòng, Quản đốc, Cửa hàng trưởng ...

^a Đưa ra các quyết định chiến thuật để thực hiện kế hoạch và chính sách của tổ chức

Quản trị viên cấp cơ sở: Tổ trưởng, Nhóm trưởng, trưởng ca ...

^aHướng dẫn, đốc thúc, điều khiển công nhân trong công việc hàng ngày

Nhà quản trị cần có những kỹ năng gì?

Ba loại kỹ năng mà mỗi quản trị viên cần phải có gồm:

- Kỹ năng kỹ thuật: hoặc chuyên môn/nghề nghiệp: Là khả năng cần thiết để thực hiện một công việc cụ thể, nổi khác là trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhà quản trị. Ví dụ việc thảo chương trình điện toán, soạn tài liệu pháp lý kinh doanh, thiết kế cơ khí .v.v... Đây là kỹ năng rất cần cho quản trị viên cấp cơ sở hơn là cho cấp quản trị viên trung gian hoặc cao cấp.

- Kỹ năng nhân sự :Là những kiến thức cùng làm việc, động thái quản trị trong việc quan hệ với những người khác nhằm tạo sự thuận lợi và thúc đẩy sự hoàn thành công việc chung. Một vài kỹ năng nhân sự cần thiết cho bất cứ quản trị cấp nào, xây dựng không khí hợp tác trong lao động, biết cách tác động và hướng dẫn nhân sự trong tổ chức để hoàn thành các công việc. Kỹ năng nhân sự đối với mọi cấp quản trị viên đều cần thiết như nhau trong bất kỳ tổ chức nào, dù là phạm vi kinh doanh hoặc phi kinh doanh.

- Kỹ năng nhận thức hay tư duy: Là cái khó hình thành và khó nhất, nhưng nó lại có vai trò đặc biệt quan trọng, nhất là đối với các nhà quản trị cao cấp. Họ cần có tư duy chiến lược tốt để đề ra đúng đường lối chính sách đối phó có hiệu quả, cần phải có phương pháp tổng hợp tư duy hệ thống, biết phân tích mối liên hệ giữa các bộ phận, các vấn đề... Biết cách làm giảm những sự phức tạp rắc rối xuống một mức độ có thể chấp nhận được trong một tổ chức.

4.1. Quản trị là một khoa học

Quản trị là một hiện tượng xã hội xuất hiện cùng một lúc với con người, nó biểu hiện trong mối quan hệ giữa con người với con người. Đó là mối quan hệ giữa người chủ nô và kẻ nô lệ, giữa chủ và tớ, rồi tiến hóa dần dần qua nhiều thế kỷ với ít nhiều thay đổi từ trong cách xử sự đầy lạm quyền dưới các chế độ độc tài phong kiến mang tính chất độc đoán, gia trưởng đến những ý tưởng quản trị dân chủ mới mẻ như hiện

nay. Trên phương diện khoa học và tác động thực tiễn khoa học quản trị thực sự thành công tại một số các xí nghiệp công nghiệp tại Hoa Kỳ và nhiều quốc gia khác.

Khác với công việc quản trị cụ thể, quản trị học là khoa học nghiên cứu, phân tích về công việc quản trị trong tổ chức, tức là tìm ra và sử dụng các quy luật trong các hoạt động quản trị để duy trì và tạo điều kiện thuận lợi cho các mặt khác, trong quá trình quản trị, con người hoạt động trong những mối liên hệ

nhất định với nhau. Như vậy, nghiên cứu quản trị cũng có nghĩa là nghiên cứu quan hệ giữa người với người trong quá trình đó, tìm ra tính quy luật hình thành quan hệ quản trị. Nói cách khác, quản trị học là khoa học nghiên cứu phân tích về công việc quản trị trong tổ chức, tổng kết hóa các kinh nghiệm tốt thành nguyên tắc và lý thuyết có thể áp dụng

4.2. Quản trị là một nghệ thuật

Người ta thường xem quản trị là một nghệ thuật còn người quản trị là người nghệ sĩ tài

năng. Quản trị khác với những hoạt động sáng tác, phải sáng tạo không ngừng trong thực tiễn sản xuất kinh doanh.

Quản trị không thể học thuộc lòng hay áp dụng theo công thức. Nó là một nghệ thuật và là một nghệ thuật sáng tạo. Nhà quản trị giỏi có thể bị làm lẫn nhưng họ phát hiện được ngay từ những sai lầm của mình để trau dồi nghệ thuật quản trị của họ, linh hoạt vận dụng các lý thuyết quản trị vào trong những tình huống cụ thể.

TÓM LƯỢC

Quản trị hình thành khi con người tập hợp lại với nhau trong một tổ chức. Quản trị là một quá trình liên tiếp các chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra nhằm đạt hiệu quả cao trong hoạt động.

Nhà quản trị hoạt động trong tổ chức, điều khiển công việc của người khác và chịu trách nhiệm trước kết quả hoạt động của họ. Trong một tổ chức có thể có rất nhiều nhà quản trị và thông thường người ta chia các nhà quản trị thành 3 cấp: cấp cao, cấp giữa và cấp cơ sở tùy theo công việc của họ trong tổ chức.

Nhà quản trị phải đảm nhận 10 vai trò tập hợp trong các vai trò của mình, nhà quản trị cần phải có các kỹ năng như chuyên môn kỹ thuật, nhân sự, tư duy.

Nhà quản trị làm thay đổi kết quả của tổ chức bằng những quyết định của họ.

Hành động của nhà quản trị ảnh hưởng đến tổ chức nhưng cũng có những yếu tố ảnh hưởng lại nằm ngoài tầm kiểm soát của quản trị. Vì vậy, người ta cho rằng quản trị vừa là một khoa học vừa là một nghệ thuật thể hiện qua việc vận dụng những lý thuyết, những nguyên tắc quản trị trong các tình huống cụ thể.

CÂU HỎI LƯỢNG GIÁ

Tự luận

1. Kết quả và hiệu quả khác nhau thế nào?
2. Quản trị học là gì? Nó là một khoa học hay nghệ thuật?
3. Vai trò và ý nghĩa của hoạt động quản trị là gì?
4. Bạn hãy cho biết các chức năng quản trị?
5. Thế nào là một nhà quản trị?
6. Vai trò của một nhà quản trị là gì?
7. Một nhà quản trị cần phải có những kỹ năng nào?
8. Có người nói rằng Giám đốc một nhà máy cơ khí phải giỏi về cơ khí hơn các kỹ sư trong nhà máy đó. Bạn có đồng ý với điều này không? Giải thích lý do.
9. Vì sao kỹ năng nhân sự là cần thiết ngang nhau đối với mọi cấp quản trị?
10. Trên các báo cáo tổng kết thường có câu “Công ty chúng tôi năm qua đã hoạt động có kết quả, cụ thể là dù phải khắc phục nhiều khó khăn do điều kiện khách quan lẫn chủ quan”. Bạn cho biết ý kiến của bạn về cách diễn đạt này?

Trắc nghiệm

1. có bao nhiêu chức năng quản trị?

- a. 3
- b. 4
- c. 5
- d. 6

2. Hoạch định trong quản trị là gì?

- a. Xác định mục tiêu hoạt động
- b. Xây dựng chiến lược tổng thể đạt mục tiêu
- c. thiết lập một hệ thống các kế hoạch để phối hợp các hoạt động
- d. cả a,b,c đều đúng

3 Chức năng tổ chức là chức năng thứ mấy trong quản trị?

- a. 1
- b. 2
- c. 3
- d. 4

4 chức năng quản trị tổ chức là gì?

- a. tiến trình thiết lập một cấu trúc về các mối quan hệ
- b. tiến hành một kế hoạch đã được hoạch ra
- c. thực hiện công việc để hoàn thành mục tiêu
- d. cả a,b,c đều sai

5. Chức năng lãnh đạo trong quản trị là gì?

- a. đạt được mục tiêu đề ra
- b. đưa ra kế hoạch để mọi người đạt được
- c. phối hợp các hoạt động
- d. thúc đẩy mọi người thực hiện những công việc cần thiết.

6. Lãnh đạo là chức năng thứ mấy trong quản trị?

- | | |
|------|------|
| a. 3 | c. 5 |
| b. 4 | d. 6 |

7. Chức năng kiểm tra trong quản trị là gì?

- a. thực hiện nhiệm vụ điều hành công việc

- b. kiểm tra công việc đang hoạt động
 - c. giám sát một cách chủ động đối với một công việc
 - d. cả a,b,c đều đúng
8. Ai là nhà quản trị?
- a. những người thực hiện công việc được giao
 - b. những người giám sát công việc đang hoạt động
 - c. những người tổ chức ra kế hoạch
 - d. Cả a,b,c đều sai
9. Nhà quản trị được chia thành mấy loại?
- a. 2
 - b. 3
 - c. 4
 - d. 5
10. Trưởng Phòng là quản trị viên cấp nào?
- a. Quản trị viên cấp cao
 - b. Quản trị viên cấp trung
 - c. Quản trị viên cấp cơ sở
 - d. a,b,c đều đúng
11. Quản trị viên cấp cao mang chức vụ gì?
- a. Chủ tịch, tổng giám đốc
 - b. Trưởng phòng, quản đốc
 - c. Tổ trưởng, nhóm trưởng
 - d. Công nhân
12. Quản trị viên cấp trung mang chức vụ gì?
- a. Chủ tịch, tổng giám đốc
 - b. Trưởng phòng, quản đốc
 - c. Tổ trưởng, nhóm trưởng
 - d. Công nhân
13. Quản trị viên cấp cơ sở mang chức vụ gì?
- a. Chủ tịch, tổng giám đốc
 - b. Trưởng phòng, quản đốc

c. Tổ trưởng, nhóm trưởng

d. Công nhân

14. Vai trò của nhà quản trị là gì?

a. vai trò quan hệ với người khác

b. vai trò thông tin

c. vai trò quyết định

d. a,b,c đều đúng

15. vai trò quan hệ với người khác là gì?

a. vai trò đại diện

b. vai trò lãnh đạo

c. vai trò liên lạc

d. a,b,c đều đúng

Bài 2

CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm doanh nghiệp;
2. Kể tên và trình bày được các loại hình doanh nghiệp;
3. Nêu được cách phân loại doanh nghiệp.

2. NỘI DUNG

I. DOANH NGHIỆP VÀ CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

1. Khái niệm về doanh nghiệp

Theo luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH11 khoá XI thông qua ngày 29/11/2005:

“Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.”

Doanh nghiệp là đơn vị kinh tế, quy tụ các phương tiện về tài chính, vật chất và con người nhằm thực hiện các hoạt động sản xuất, cung ứng, tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ, trên cơ sở tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng, thông qua đó tối đa hoá lợi nhuận của chủ sở hữu, đồng thời kết hợp hợp lý các mục tiêu xã hội.

Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế được thành lập nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi. Kinh doanh có các đặc điểm cơ bản sau:

- Kinh doanh phải do một chủ thể thực hiện được gọi là chủ thể kinh doanh. Chủ thể kinh doanh có thể là cá nhân, các hộ gia đình, các doanh nghiệp.
- Kinh doanh phải gắn liền với thị trường.
- Kinh doanh phải gắn liền với sự vận động của dòng vốn. Công thức kinh doanh của C.Mác: T-H-SX... -H' -T'
- Mục đích chủ yếu của kinh doanh là tối đa hóa lợi nhuận ($T' - T > 0$)

Một DN có thể đảm nhận tất cả các khâu của quá trình kinh doanh, nhưng cũng có thể chỉ thực hiện một khâu nào đó, chẳng hạn như: sản xuất hay tiêu thụ (DN thương mại).

2. Các loại hình doanh nghiệp

2.1. Phân loại Doanh nghiệp căn cứ vào hình thức sở hữu

2.1.1. Doanh nghiệp Nhà nước

- *Khái niệm* : Doanh nghiệp Nhà nước là tổ chức kinh tế Nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý, hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động công ích, nhằm

thực hiện các mục tiêu kinh tế- xã hội do Nhà nước giao

- *Doanh nghiệp Nhà nước có những đặc điểm*

- DNNN là một pháp nhân do Nhà nước đầu tư vốn, thành lập & tổ chức quản lý
- DNNN có thẩm quyền kinh tế bình đẳng với các Doanh nghiệp khác và hạch toán kinh tế độc lập trong phạm vi vốn do DN quản lý.
- DNNN giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân được giao chức năng kinh doanh và chức năng hoạt động công ích.
- DNNN có trụ sở chính đặt trên lãnh thổ Việt Nam

- DNNN cũng có nhiều hình thức khác nhau tùy theo quy mô kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ, mức độ liên kết kinh doanh, mức độ độc lập hoạt động mà có tên gọi khác nhau như: Tổng công ty Nhà nước, Doanh nghiệp Nhà nước vừa hoặc nhỏ, không hoặc có tổ chức hội đồng quản trị, DN đoàn thể.

2.1.2. Doanh nghiệp tư nhân

- *Khái niệm* : Theo Điều 141 Luật doanh nghiệp năm 2005, doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp

- *Doanh nghiệp tư nhân có những đặc điểm sau :*

▪ DNTN là doanh nghiệp do một cá nhân đầu tư vốn thành lập và làm chủ. Chủ sở hữu tài sản của doanh nghiệp là một cá nhân. Bởi vậy mà chủ doanh nghiệp tư nhân có toàn quyền quyết định những vấn đề liên quan tới quản lý doanh nghiệp, thuê người khác điều hành (trong trường hợp này phải khai báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của doanh nghiệp), có quyền cho thuê toàn bộ doanh nghiệp, bán doanh nghiệp, tạm ngừng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật

▪ DNTN không có tư cách pháp nhân bởi vì tài sản của doanh nghiệp không tách bạch rõ ràng với tài sản của chủ DN. Tài sản mà chủ doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động kinh doanh của DNTN không phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho doanh nghiệp.

▪ DNTN là doanh nghiệp chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp.

2.1.3. Công ty trách nhiệm hữu hạn

a. Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Công ty TNHH hai thành viên trở lên là DN có những đặc điểm chung sau đây:

- Hình thức sở hữu của công ty là sở hữu chung của các thành viên công ty.
- Thành viên của công ty có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên mỗi công ty không ít hơn hai và không vượt quá năm mươi.
- Công ty không được quyền phát hành cổ phần. Doanh nghiệp tư nhân
- Công ty là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân và chịu trách nhiệm hữu hạn về

các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp.

b. Công ty TNHH một thành viên

Công ty TNHH một thành viên là DN có những đặc điểm chung sau đây:

- Chủ sở hữu công ty phải là một tổ chức hoặc cá nhân và có thể là: Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang, các pháp nhân của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các loại DN, các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

- Chủ sở hữu công ty có quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác theo quy định về chuyển đổi doanh nghiệp.

- Công ty không được phát hành cổ phần.

- Công ty có tư cách pháp nhân và chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm hữu hạn đối với kết quả kinh doanh trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

2.1.4. Công ty cổ phần.

Công ty cổ phần là doanh nghiệp có những đặc điểm chung sau đây:

- Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

- Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế tối đa.

- Công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn, theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

- Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân và là doanh nghiệp chịu trách nhiệm hữu hạn, cổ đông của công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp.

2.1.5. Công ty hợp danh

Công ty hợp danh là doanh nghiệp có những đặc điểm chung sau đây;

- Phải có ít nhất hai thành viên hợp danh; ngoài ra còn có thành viên góp vốn.

- Thành viên hợp danh phải là cá nhân có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty (trách nhiệm vô hạn).

- Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

- Công ty hợp danh có tư cách pháp nhân.

- Công ty hợp danh không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.

Như vậy, công ty hợp danh có 2 loại: Công ty hợp danh mà tất cả các thành viên đều là thành viên hợp danh và công ty hợp danh có cả thành viên hợp danh & thành viên góp vốn.

2.1.6. Nhóm công ty

Nhóm công ty là tập hợp các công ty có mối quan hệ gắn bó lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác.

Nhóm công ty bao gồm các hình thức sau đây:

- Công ty mẹ - công ty con;
- Tập đoàn kinh tế;
- Các hình thức khác.

Luật Doanh nghiệp năm 2005 bổ sung quy định về nhóm công ty. Thực chất, quy định về nhóm công ty nhằm mục đích tăng cường sự công khai, minh bạch trong hoạt động kinh doanh cũng như hạn chế chế độ trách nhiệm hữu hạn và bảo vệ lợi ích của cổ đông thiểu số. Đó là các quy định trách nhiệm đền bù của công ty mẹ đối với công ty con, hay nghĩa vụ lập báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm công ty. Đây là một bước phát triển mới của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam trong việc tạo ra cơ sở pháp lý để hình thành các tập đoàn kinh tế lớn có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

2.2. Phân loại doanh nghiệp

2.2.1. Phân loại Doanh nghiệp căn cứ vào quy mô

Theo tiêu thức quy mô, các doanh nghiệp được phân làm ba loại:

- Doanh nghiệp quy mô lớn.
- Doanh nghiệp quy mô vừa.
- Doanh nghiệp quy mô nhỏ.

Để phân biệt các doanh nghiệp theo quy mô như trên, hầu hết ở các nước người ta dựa vào những tiêu chuẩn như:

- Tổng số vốn đầu tư của doanh nghiệp.
- Số lượng lao động trong doanh nghiệp.
- Doanh thu của doanh nghiệp.
- Lợi nhuận hàng năm.

2.2.2. Phân loại Doanh nghiệp căn cứ vào lĩnh vực kinh doanh

- Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp.
- Doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.
- Doanh nghiệp thương mại.
- Doanh nghiệp vận tải.
- Doanh nghiệp xây dựng.
- Các doanh nghiệp dịch vụ.
- Doanh nghiệp hỗn hợp: sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ.

II. Mục tiêu của Doanh nghiệp

1. Những mục tiêu kinh tế

Doanh nghiệp cố gắng đạt tới lợi nhuận tối đa, đó là mục tiêu kinh tế quan trọng nhất. Để đạt tới điều đó, doanh nghiệp phải thực hiện các mục tiêu kinh tế khác như:

- Về thị trường: chất lượng sản phẩm, dịch vụ khách hàng, bảo vệ và nâng cao thị phần, chiến thắng các đối thủ cạnh tranh.
- Về tài chính: bảo toàn vốn, gia tăng tài sản, gia tăng vòng quay vốn, giảm chi phí..
- Về cải tiến công nghệ, mở rộng qui mô và nâng cao hệ số sử dụng công suất...

2. Những mục tiêu xã hội

- Nâng cao uy tín và danh tiếng.
- Đảm bảo công ăn việc làm ổn định và lâu dài cho người lao động.
- Nâng cao phúc lợi của các thành viên trong doanh nghiệp.
- Cung cấp hàng hóa và dịch vụ thỏa mãn tốt nhất nhu cầu xã hội.
- Đảm bảo lợi ích nhà cung cấp, đóng góp vào sự thịnh vượng chung của xã hội: giúp đỡ người nghèo, làm từ thiện, ủng hộ các phong trào khác của xã hội...

3. Các mục tiêu khác

- Bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Mục tiêu chính trị : các Doanh nghiệp cần đảm bảo xây dựng được một đội ngũ nhân viên có phẩm chất, có tư cách đạo đức, có giác ngộ chính trị, có tổ chức, kỷ luật và trình độ khoa học phục vụ chủ trương công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước.

Các mục tiêu của doanh nghiệp có mối liên hệ rất chặt chẽ và tác động qua lại với nhau. Doanh nghiệp phải đề ra được các mục tiêu lâu dài và mục tiêu cho từng giai đoạn cụ thể, nhờ đó nó có thể đưa ra được các chính sách kinh doanh thích hợp.

III. Chức năng của Doanh nghiệp

** Theo quan điểm H. Fayol doanh nghiệp có các chức năng sau:*

- Chức năng kỹ thuật
- Chức năng thương mại
- Chức năng tài chính
- Chức năng an toàn
- Chức năng kế toán
- Chức năng quản lý

** Theo quan điểm Evgaoff*

Evgaoff sắp xếp các hoạt động thiết yếu của DN gồm bốn chức năng cơ bản sau:

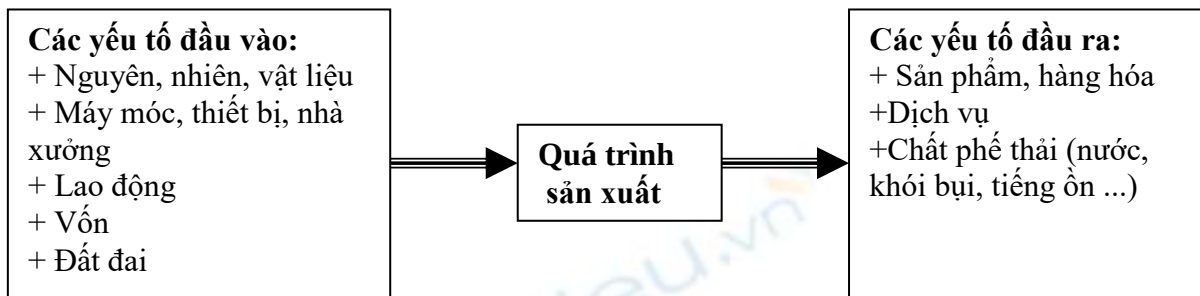
- Chức năng quản lý
- Chức năng phân phối
- Chức năng sản xuất
- Chức năng hậu cần

Những cách phân loại trên cho dù có sự khác nhau, nhưng trong bất kì hệ thống

kinh tế nào thì các chức năng: thương mại, sản xuất, cung ứng, tài chính, quản trị và nhân sự đều vẫn là những chức năng cơ bản nhất gắn liền với sự tồn tại của các doanh nghiệp.

*** Chức năng của doanh nghiệp phân loại theo các chức năng kinh tế :**

➤ **Chức năng sản xuất:** Có thể tóm tắt quá trình sản xuất theo sơ đồ sau :

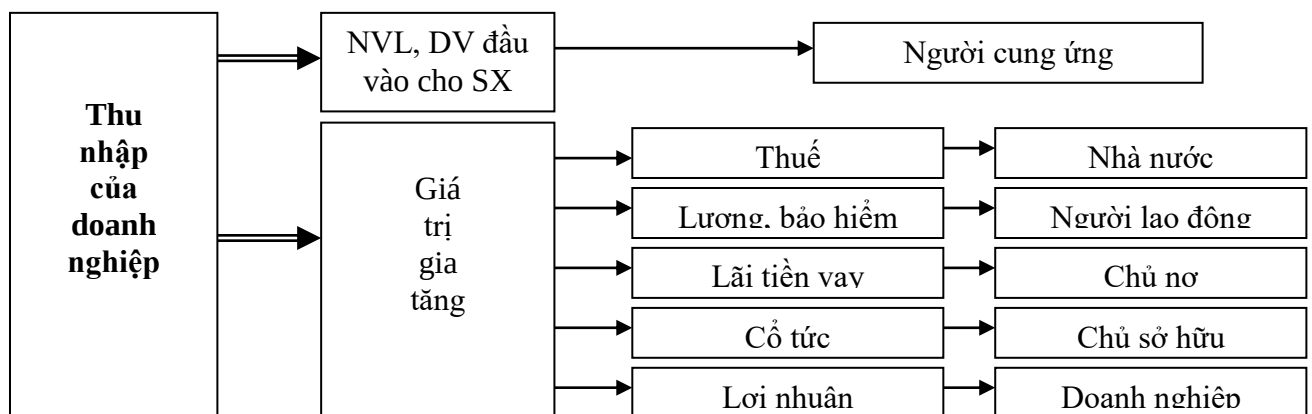


➤ **Chức năng thương mại**

Kinh doanh gắn với thị trường và các hoạt động mua, bán. Vì vậy, chức năng thương mại rất quan trọng. Chức năng thương mại bao gồm các hoạt động sau:

- Hoạt động cung ứng.
- Hoạt động tiêu thụ.
- Hoạt động phân phối.

➤ **Chức năng phân phối :** Chức năng phân phối của doanh nghiệp có thể mô tả theo sơ đồ sau:



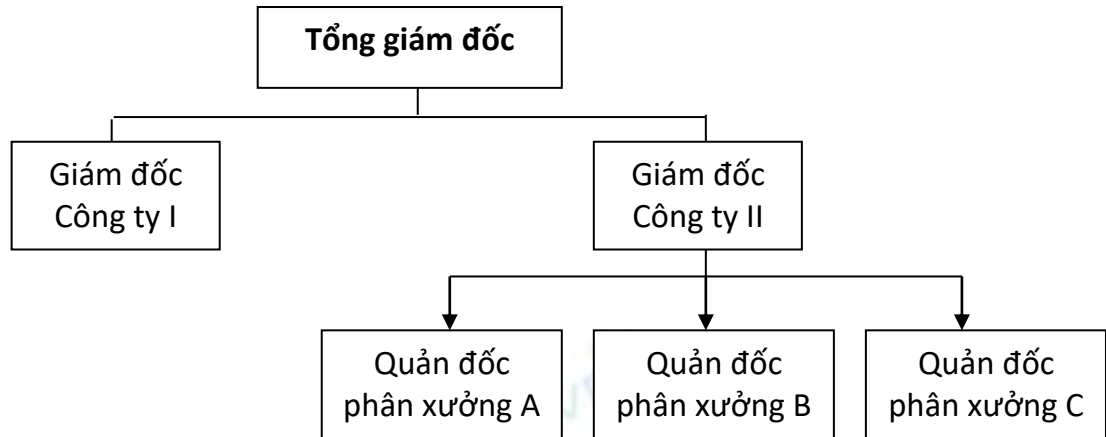
Hình 1.1. Chức năng phân phối của doanh nghiệp

IV. Một số cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp

1. Cơ cấu quản trị trực tuyến

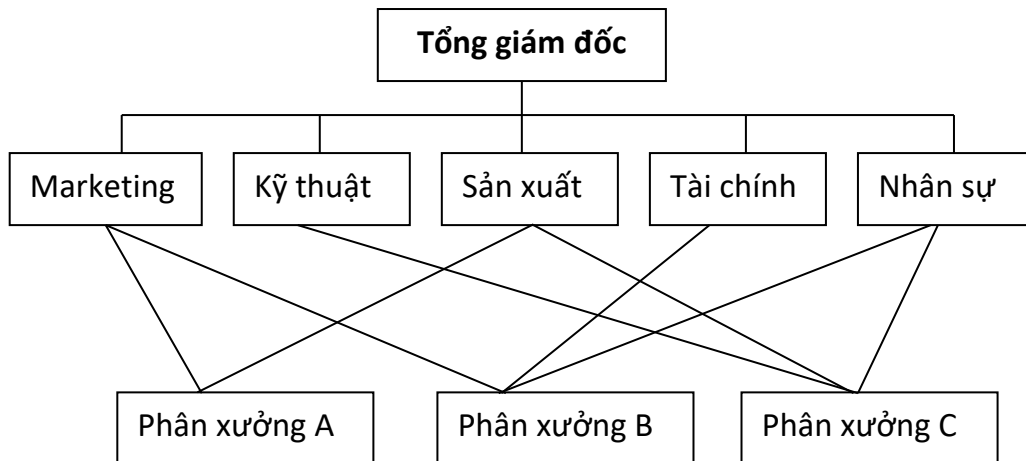
Cơ cấu quản lý trực tuyến là một kiểu tổ chức bộ máy mà một cấp quản lý chỉ nhận mệnh lệnh từ một cấp trên trực tiếp. Hệ thống trực tuyến hình thành một đường

thẳng rõ ràng về quyền ra lệnh, trách nhiệm và lãnh đạo cấp cao đến cấp cuối cùng. Cơ cấu kiểu này đòi hỏi người quản trị ở mỗi cấp phải có những hiểu biết tương đối toàn diện về các lĩnh vực.



Hệ thống quản trị theo trực tuyến phù hợp với các doanh nghiệp nhỏ vì một người quản trị cấp trên có thể hiểu rõ được những hoạt động của cấp dưới và ra những mệnh lệnh trực tiếp một cách đúng đắn cho cấp dưới không cần thông qua một cơ quan giúp việc theo chức năng nào. Đối với những doanh nghiệp hoặc tổ chức lớn, người đứng đầu tổ chức trước khi ra mệnh lệnh cần tham khảo ý kiến của các bộ phận chức năng.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý theo chức năng



Hình 1.6. Cơ cấu quản lý chức năng

Trong cơ cấu tổ chức quản lý theo chức năng, các bộ phận quản lý cấp dưới nhận mệnh lệnh từ nhiều phòng ban chức năng khác nhau. Đôi khi các mệnh lệnh này có thể trái ngược nhau hoặc mâu thuẫn với nhau, gây khó khăn cho cấp thừa hành. Có thể phân chia các bộ phận theo các chức năng (sơ đồ 2-4) cơ bản như:

- Chức năng sản xuất
- Chức năng kỹ thuật

- Chức năng marketing
- Chức năng tài chính
- Chức năng nhân sự

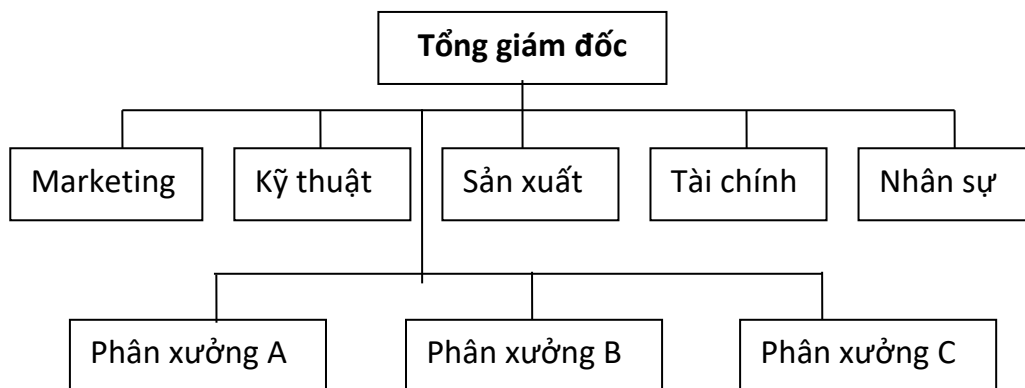
* *Ưu điểm* của cơ cấu theo chức năng:

- Phản ánh logic các chức năng
- Nhiệm vụ được phân định rõ ràng
- Tuân theo nguyên tắc chuyên môn hóa ngành nghề
- Phát huy được sức mạnh và khả năng của đội ngũ cán bộ theo từng chức năng
- Giảm chi phí và rút ngắn thời gian đào tạo
- Tạo ra các biện pháp kiểm tra chặt chẽ của cấp cao nhất

* *Nhược điểm* của cơ cấu quản lý theo chức năng:

- Chỉ có cấp quản lý cao nhất có trách nhiệm về hiệu quả cuối cùng của toàn thể công ty
- Qua chuyên môn hóa và tạo ra cách nhìn quá hẹp với các cán bộ chủ chốt
- Hạn chế sự phát triển của người quản lý chung
- Gặp nhiều khó khăn khi cần có sự phối hợp giữa các chức năng.

3. Cơ cấu tổ chức quản lý theo trực tuyến – chức năng



Hình 1.7. Cơ cấu quản lý theo chức năng

Do cơ cấu tổ chức quản lý theo trực tuyến và cơ cấu quản lý theo chức năng có những ưu nhược điểm riêng nên hiện nay nhiều doanh nghiệp và tổ chức lựa chọn kiểu cơ cấu quản lý theo trực tuyến – chức năng, tức là một cơ cấu quản lý kết hợp.

Về nguyên tắc, trong hệ thống trực tuyến – chức năng, quan hệ quản lý trực tuyến từ trên xuống dưới vẫn tồn tại, nhưng để giúp cho người quản lý ra các quyết định đúng đắn, có các bộ phận chức năng giúp việc trong các lĩnh vực như xây dựng kế hoạch, quản lý nhân sự, marketing, tài chính – kế toán, quản lý kỹ thuật – công nghệ sản xuất...

CÂU HỎI TỰ LƯỢNG GIÁ

1. Sự tách bạch về mặt tài sản về trách nhiệm trả nợ, trách nhiệm trả nợ của chủ sở hữu. Được gọi là

- | | |
|-------------|-------------|
| A Pháp lý | C Chủ quyền |
| B Pháp nhân | D Sở hữu |

2. Nhà nước đầu tư vốn, có quyền kinh tế bình đẳng với các Doanh nghiệp khác, hạch toán kinh tế độc lập trong phạm vi vốn do DN quản lý. là

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| A Doanh nghiệp nhà nước | C Doanh nghiệp liên danh |
| B Doanh nghiệp tư nhân | D Doanh nghiệp cổ phần hóa |

3. Doanh nghiệp được gọi là vừa và nhỏ, khi

- A Vốn pháp định ≥ 100 tỷ, số người lao động ≥ 500 người
- B Vốn pháp định > 100 tỷ, số người lao động ≤ 500 người
- C Vốn pháp định < 100 tỷ, số người lao động < 500 người
- D Vốn pháp định ≥ 100 tỷ, số người lao động < 500 người

4. Quản lý, phân phối, sản xuất, hậu cần là các:

- | | |
|------------------------------|------------------------------|
| A Nhiệm vụ của doanh nghiệp | C Chức năng của doanh nghiệp |
| B Quyền hạn của doanh nghiệp | D Quan điểm của doanh nghiệp |

5. Kinh doanh theo đúng với ngành nghề đã đăng ký và mục đích thành lập doanh nghiệp. bảo toàn và phát triển vốn được giao. Là

- | | |
|------------------------------|------------------------------|
| A Nhiệm vụ của doanh nghiệp | C Chức năng của doanh nghiệp |
| B Quyền hạn của doanh nghiệp | D Quan điểm của doanh nghiệp |

6. Tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh. Chịu sự quản lý của nhà nước. Là

- | | |
|------------------------------|-------------------------------|
| A Quan điểm của doanh nghiệp | C Chức năng của doanh nghiệp |
| B Nghĩa vụ của doanh nghiệp | D Nguyên tắc của doanh nghiệp |

7. bộ phận tận dụng phế liệu, phế phẩm của sản xuất chính để chế tạo ra những loại sản phẩm phụ, ngoài danh mục sản phẩm thiết kế. Được gọi là

- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| A Bộ phận sản xuất phụ cận | C Bộ phận phục vụ sản xuất |
| B Bộ phận sản xuất phụ | D Không câu nào đúng |

8. Quản lý kho tàng, vận chuyển nội bộ, vận chuyển từ bên ngoài về, là

- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| A Bộ phận sản xuất phụ cận | C Bộ phận phục vụ sản xuất |
| B Bộ phận sản xuất phụ | D Không câu nào đúng |
-

Bài 3. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH DƯỢC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

*Theo Quyết định 68/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2014
của Thủ tướng chính phủ*

1. MỤC TIÊU

2. Trình bày được quan điểm của chính phủ về phát triển ngành dược Việt Nam trong giai đoạn đến 2020 và tầm nhìn 2030
3. Nêu được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của quốc gia về phát triển ngành dược
4. Nêu được nhiệm vụ và giải pháp phát triển ngành dược đến 2020, tầm nhìn 2030
5. Tin tưởng và góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ của ngành

2. NỘI DUNG

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Cung ứng đủ thuốc cho nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân với chất lượng bảo đảm, giá hợp lý; phù hợp với cơ cấu bệnh tật, đáp ứng kịp thời yêu cầu an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và các nhu cầu khẩn cấp khác.

2. Xây dựng nền công nghiệp dược, trong đó tập trung đầu tư phát triển sản xuất thuốc generic bảo đảm chất lượng, giá hợp lý, từng bước thay thế thuốc nhập khẩu; phát triển công nghiệp hóa dược, phát huy thế mạnh, tiềm năng của Việt Nam để phát triển sản xuất vắc xin, thuốc từ dược liệu.

3. Phát triển ngành Dược theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa, có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và trên thế giới; phát triển hệ thống phân phối, cung ứng thuốc hiện đại, chuyên nghiệp và tiêu chuẩn hóa.

4. Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động dược lâm sàng và cảnh giác dược.

5. Quản lý chặt chẽ, hiệu quả các khâu từ sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, bảo quản, lưu thông, phân phối đến sử dụng thuốc.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cung ứng đầy đủ, kịp thời, có chất lượng, giá hợp lý các loại thuốc theo cơ cấu bệnh tật tương ứng với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm sử dụng thuốc an toàn, hợp lý. Chú trọng cung ứng thuốc cho đối tượng thuộc diện chính sách xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, vùng sâu, vùng xa.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020:

a) 100% thuốc được cung ứng kịp thời cho nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh.

b) Phần đầu sản xuất được 20% nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất thuốc trong nước, thuốc sản xuất trong nước chiếm 80% tổng giá trị thuốc tiêu thụ trong năm, trong đó thuốc từ dược liệu chiếm 30%; vắc xin sản xuất trong nước đáp ứng 100% nhu cầu cho tiêm